

LUẬN VỀ ĐỒNG TÍNH TỪ NHỮNG GÓC NHÌN LÝ THUYẾT

Lê Thị Thủy

Khoa Ngữ văn – Khoa học xã hội

Email: thuylt@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 04/10/2019

Ngày PB đánh giá: 30/10/2019

Ngày duyệt đăng: 08/11/2019

TÓM TẮT: Đồng tính luyến ái ngày nay không còn là một hiện tượng xa lạ với công chúng. Việc nghiên cứu nó một cách nghiêm túc và hệ thống trên nhiều phương diện tiếp cận trong vòng hai thế kỷ trở lại đây đang diễn tiến tích cực. Ngay từ cuối những năm 1800, các nhà tâm lý học đã điều nghiên đồng tính trên các thử nghiệm lâm sàng. Phân tâm học cổ điển là minh chứng điển hình nhất. Trong nửa sau thế kỷ XX, đồng tính trở thành đối tượng quan tâm đặc biệt của những nhà Lược pha học và Nữ quyền luận. Với những góc nhìn khác nhau, các lý thuyết này bước đầu đã trình hiện trước thế giới những kiến giải mới mẻ về đồng tính. Bài viết của chúng tôi xuất phát từ các lý thuyết đó để bước đầu xem xét và đánh giá đồng tính luyến ái không chỉ như một biểu hiện tâm – sinh lý đặc biệt mà còn như một phương diện nhân học, xã hội học - chính trị.

Từ khóa: *đồng tính, nữ quyền luận, lý thuyết, thuyết lược pha, thuyết phân tâm.*

A DISCUSSION ON HOMOSEXUALITY PHENOMENON FROM THEORETICAL ASPECTS/ VIEWS

ABSTRACT: To day, homosexuality is no longer a strange phenomenon to the public. Its serious and systematic research on multiple approaches is still being carried on well in the last two centuries. As early as the late 1800s, psychologists investigated homosexuality in clinical trials. Classical psychoanalysis is the most typical example. In the second half of the twentieth century, homosexuality became the particular interest object of the queerist and the feminist. With the different perspectives, these theories have been initially presented to the world their new interpretations/ views of homosexuality. Deriving from those theories, our article is created initially to examine and to assess the homosexuality not only as a special psychological - physiological manifestation but also in terms of anthropology, sociology - politics.

Keywords: *homosexuality, feminist, theory, queer theory, psychoanalysis.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đồng hành với tiến trình phát triển loài người bắt đầu ngay từ giai đoạn khởi thủy, đồng tính luyến ái có một lịch sử nhiều thăng trầm. Vì bị coi là dị biệt và thiếu số, đồng tính chỉ tồn tại lặng lẽ và thường tỏ ra lép vế. Tuy vậy, nó chưa khi nào từ bỏ

nỗ lực khẳng định sự hiện diện bình đẳng của mình trước thế giới. Điều này khiến cho cộng đồng đa số phải thay đổi thái độ: từ chỗ khinh khi, người ta buộc phải nhìn nhận đồng tính như một đối tượng thực sự của khoa học về con người. Những hiểu biết về đồng tính thay vì tự phát đã trở nên tự giác. Một thứ khoa học lý luận về

hiện tượng cũng được khởi xuất, dần phá vỡ đường biên giới hạn trong hiểu biết về đồng tính ái. Đó có thể coi là bước tiến dài mà nhân loại đạt được trên hành trình thấu thị về chính bản thân mình.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Đồng tính dưới con mắt của Phân tâm học cổ điển

Được coi là một trong ba hiện tượng khoa học làm nên những bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử tiến bộ của nhân loại, học thuyết Phân tâm do S.Freud khởi xướng từ cuối thế kỷ XIX từ khi ra đời đã gây những chấn động mãnh liệt trong dư luận và trở thành một thứ công cụ lý luận đắc lực cho nhiều ngành khoa học cho tới tận ngày nay. Nghiên cứu trên một loại đối tượng khác biệt, ngay từ năm 1905, trong công trình *Ba tiểu luận về lý thuyết tính dục*, S. Freud đã dành không ít sự quan tâm cho những người đồng tính. Ông xếp họ vào những ca lệch lạc về tính dục, cụ thể là lệch lạc liên quan đến đối tượng tình dục. Ông cũng lưu ý về cách định danh hiện tượng này. Thay vì gọi bằng khái niệm *homosexual* (đồng tính luyến ái), ông ưa thích gọi bằng *inversion* (nghịch đảo giới tính) hơn. Các thuật ngữ ông dùng để chỉ đối tượng trong nhóm này như “nghịch giới tuyệt đối”, “nghịch giới lưỡng tính”, “nghịch giới cơ hội” đều được gọi ra dựa trên những khuynh hướng dục năng libido của họ. Ông cũng đặc biệt thích thú với những ca dục năng libido ngả theo hướng đảo giới tính sau khi có trải nghiệm đau khổ với một đối tượng tình dục bình thường.

Phát triển tư tưởng từ trọng tâm về libido, Freud chỉ ra rằng, một khi dục năng libido được thỏa mãn, con người sẽ

giữ được trạng thái cân bằng. Ngược lại, vì lý do nào đấy, dục năng này bị cản trở, nó sẽ quay trở lại xung đột với trạng thái tâm lý và tìm cách phóng thoát trong hoàn cảnh, môi trường khác nhau. Việc tiếp xúc với môi trường xấu chính là nguyên nhân dẫn đến thái độ ghê sợ tình dục, trầm cảm, biến thái, tâm thần hay đồng tính. Với quan niệm này, phân tâm học của S.Freud đã công khai chống lại quan điểm đồng tính do rối loạn gene di truyền khá phổ biến lúc đó. Các giả thuyết khác về nguyên nhân dẫn tới đồng tính như tính tự si (narcissit) hay mặc cảm Odipe không thỏa mãn trong giai đoạn dậy thì... đều là những phát hiện gây nhiều tranh cãi. Là người không tán thành quan điểm coi nghịch đảo giới tính như một “dấu hiệu thoái hóa thần kinh bẩm sinh” [7, 48], ngay từ tác phẩm đầu tiên dẫn dắt người đọc đến với lý thuyết phân tâm - cuốn “Nhập môn phân tâm học”, quan điểm của Freud đã gây ra sự sững sốt. Ông viết: “Hết sức rõ ràng rằng, tính dục đồng giới chỉ là sự thay thế mục đích gần hơn và dễ đạt tới hơn ấy ở một người bạn cùng giới cho thách thức cuối cùng mà một người bạn khác giới đưa ra. Đối với đàn ông, đàn bà mang mối đe dọa của một vũ trụ không có dương vật, vũ trụ mà dương vật có thể bị lấy mất, theo một số hoang tưởng trẻ con. Từ đó nảy sinh những hoang tưởng về việc dương vật bị âm hộ và âm đạo của đàn bà làm tổn thương trong các quan hệ tính dục. Quan niệm âm đạo có răng cưa (*vagina dentata*) đôi khi chính là cơ sở khiến cho một người tính dục đồng giới đàn ông ưa thích một người đàn ông khác hơn” [7, 29].

Dù trong thời gian hạ hồi phân giải đúng - sai, quan điểm về tình dục đồng tính của phân tâm học cũng vấp phải sự chỉ trích mạnh mẽ của các nhà nữ quyền và đồng

tính nữ. Họ không la ó vì giả thuyết “âm đạo có răng cưa” như một sự châm chọc tính ác, họ phản đối vì họ không thấy hình ảnh, vai trò của mình trong tư cách là đối tượng nghiên cứu chính của Freud. Freud - giống như nhiều nam học giả khác - đã điềm nhiên đứng trên lập trường của đàn ông để bàn về những vấn đề của giới nam, đồng tính cũng nam, nói chung là một quan điểm khoa học có sự phân biệt giới rất rõ rệt.

Chưa hết, năm 1905, vẫn trong khảo cứu gây nhiều tranh cãi *Ba tiểu luận về lý thuyết tính dục*, Sigmund Freud đã liệt kê thói *giả trang* (một cách gọi khác của đảo trang giới tính (Transvestism/ Cross-dresser) như một biểu hiện của lệch lạc tính dục trên các đối tượng là con bệnh thần kinh. Ông nhận định : “Thói giả trang, tức thói thích mặc áo quần của giới tính ngược lại, muốn mang căn tính một người thuộc giới tính ngược lại ở chốn riêng tư cũng như ở nơi công cộng” [7, 330]. Dễ dàng có thể thấy, đây là cách nhìn nhận của một người ngoài cuộc, cho nên ngay tại thời điểm những năm đầu thế kỷ XX, khi công bố này xuất hiện, nó đã vấp phải nhiều chỉ trích, la ó của dư luận, đặc biệt từ phía những người trong cộng đồng LGBT- người không đời nào chịu im lặng như một sự đồng tình.

Với vị trí và tầm ảnh hưởng của mình, những bàn luận về hiện tượng đồng tính luyến ái của Sigmund Freud không chỉ được xem là nền tảng có giá trị cho các nghiên cứu y học, tâm lý về đồng tính đương đại mà còn gợi hướng cho các nhà văn, nhà phê bình suy nghĩ về sự ra đời của những đứa con tinh thần trong tương lai của mình. Phân tâm học cổ điển và

các nhánh chi của nó sau này đã bỏ nhiều thời gian để đi tìm câu trả lời xác đáng cho câu hỏi: đồng tính có phải là một “rối loạn định dạng giới” (biểu hiện của bệnh lý) hay là cái gì khác? Sự phân giải đôi khi chứa nhiều mâu thuẫn cho thấy sự thực là ngay cả cha đẻ của học thuyết cũng không hoàn toàn tin chắc vào khả năng “cứu rỗi” của học thuyết do mình tạo nên.

2.2. Thuyết Lệch pha (Queer theory) hay học thuyết về sự giằng co giữa Kiến tạo luận (Constructionism) và Bản chất luận (Essentialism)

Nếu như những nghiên cứu trên các loài động vật cho thấy biểu hiện đồng tính ở chúng là một giải pháp về tiến hóa để giảm thiểu sự xâm chiếm lãnh thổ, đặc biệt là giữa những con đực, thì ở loài người, hành vi này phức tạp hơn nhiều. Những phát hiện của ngành bào thai học đã chỉ ra rằng loài người, về mặt sinh học, vừa là đồng giới vừa là dị giới. Mặc dù hiện tượng đồng tính luyến ái đã song tồn cùng nhân loại từ rất lâu nhưng mãi đến thế kỷ XIX, việc nghiên cứu một cách nghiêm túc để đưa ra những luận điểm khoa học về nó mới được tiến hành. Trong một thời gian dài, những nhà nghiên cứu chia sẻ mối quan tâm đến chủ đề đồng tính đã tranh cãi nhau gay gắt để ngã ngũ về định đề: đồng tính luyến ái là một căn tính tự nhiên hay là sản phẩm của xã hội? Kết quả của những tranh luận này không chỉ hình thành nên hai trường phái tư tưởng đối lập mà còn tạo tiền đề ra đời cho một học thuyết mà sự đóng góp của nó vào lịch sử tính dục của nhân loại là không thể phủ nhận: thuyết Lệch pha (Queer theory) (có nhiều tài liệu dịch là Đồng tính luận).

Cùng với khái niệm “bản dạng tính dục” (sexual identity) được Karl Heinrich Ulrichs khởi xuất, những tranh luận về nguồn gốc của đồng tính luyến ái chính thức châm ngòi cho sự phân rẽ thành hai thái cực quan điểm: những người đề xuất thuyết bản chất, bên vực ý kiến cho rằng sinh lý cùng sự khác biệt giới tính là do “Trời sinh”, mang tính vĩnh cửu. Do đó, đồng tính cũng là một phần của bản chất tự nhiên của cá nhân, không thay đổi được. Chỗ dựa của thuyết bản chất chính là những công bố y khoa của các nhà di truyền học tại Mỹ (đại học Illinois, Chicago) và Ý (đại học Padova) về tác nhân di truyền bên dòng họ mẹ và sự tham gia của những chuỗi DNA trong bộ gene người. Xét về bản chất, sự khác biệt giữa yếu tính luận và kiến tạo luận cũng rõ ràng như hai khái niệm giới tính và phái tính. Bản thân thuật ngữ giới tính (mang phẩm chất sinh học) đã thể hiện tính bản chất luận của nó, và như vậy, giới tính thứ ba nên/phải được thừa nhận bình đẳng với hai giới tính còn lại. Phái tính, ngược lại, sinh ra từ các phạm trù văn hóa, không chịu sự bó buộc của các đặc tính sinh học bẩm sinh, thậm chí có lúc còn gạt giới tính ra ngoài lề để chỉ tuân theo các quy chuẩn xã hội - nói như một định đề nổi tiếng của Simone de Beauvoir: “On ne naît pas femme, on le devient”. Các nhà kiến tạo luận như M. Foucault tỏ ra hoài nghi với cái gọi là bản sắc, bởi suy đến cùng, mọi thứ theo ông đều do diễn ngôn quy định. Đến lịch sử - vốn vẫn là định lượng mang tính tin cậy, bất biến trong quan điểm của số đông, cũng chỉ tồn tại qua các diễn ngôn. Oái ăm hơn, ngay đến bản thân diễn ngôn cũng chỉ là sản phẩm của một giai đoạn, một thời đại, một hoàn cảnh xác định và có giới hạn. Trang bị nhãn quan

giải cấu trúc ấy, có thể nói rằng, cùng một hiện tượng, thời đại này gọi là đồng tính (với hàm ý khinh miệt), thời khác lại xem như một biểu hiện bình thường của tính dục tự nhiên, thậm chí còn tôn vinh nó.

Bất chấp những quan điểm trái chiều, đồng tính luyến ái càng thách thức nhân loại khi nó cùng một lúc, mang cả hai biểu hiện của giới tính và phái tính, tức vừa là bản sắc vừa là kiến tạo. Bản sắc khi nó thuộc về bẩm sinh, kiến tạo trong trường hợp nó được tạo ra từ những hoàn cảnh đặc biệt mà ở đó xác lập sự độc tôn của đơn giới: nhà tù, trại lính, trường nội trú, trường dòng, nhà tu kín, gánh hát... Ở những môi trường này, đồng tính được xem như một hành vi tập nhiễm. Thoát ly khỏi hoàn cảnh, đặc tính đồng tính (tập nhiễm) sẽ biến mất (trừ trường hợp hoàn cảnh không phải là nguyên nhân mà chỉ là tác nhân mang tính gợi thức những yếu tố đồng tính sẵn có bị “ngủ đông”).

Tuy vậy, dựa trên lý do cho rằng thiên hướng tính dục là phức tạp, đa chiều nên phần lớn học giả hiện đại vẫn thiên về quan điểm xem đồng tính là kết quả của quá trình lịch sử - xã hội, cụ thể là “sản phẩm của vô số các mã văn hóa và thế lực chính trị khác nhau trong các giai đoạn khác nhau”. Với các lập thuyết mang tính kiến tạo trong lĩnh vực đồng tính học, họ trở thành những đại biểu tiên phong của trường phái Kiến tạo luận. Có thể kể ra một số tên tuổi lẫy lừng có nhiều công trình liên quan đến quan điểm kiến tạo bản dạng giới này, tiêu biểu như: David M. Halperin, Michel Foucault, Judith Butle, John D’Emilio...

Một trong những tuyên bố nổi bật của các nhà kiến tạo luận là tìm ra mối liên hệ giữa đồng tính với chủ nghĩa tư bản,

coi chủ nghĩa tư bản là nguồn gốc sinh ra đồng tính trong tư cách là một đặc tính xã hội. Ở công trình *Chủ nghĩa tư bản và đặc tính đồng tính*, John D'Emilio đã đi từ các đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa tư bản (lao động tự do, sự biến động của cấu trúc gia đình hạt nhân làm tăng cường số lượng cá nhân sống bên ngoài gia đình, sự “giải phóng” tình dục khỏi mục đích sinh đẻ, ảnh hưởng của Thế Chiến II) để diễn giải về cái gọi là đặc tính đồng tính của nhân loại. Trên cơ sở bác bỏ “huyền thoại về tình dục đồng giới vĩnh cửu” [1,101], tác giả đã lần lượt chỉ ra một sơ đồ trỗi dậy của những người đồng tính, theo đó, khi hệ thống lao động tự do phát triển như một hệ quả tất yếu của quá trình phình rộng *tư bản - tiền* để tạo ra nhiều tiền hơn thì nó đồng thời tạo ra một sự chuyển hóa sâu sắc trong mô hình và chức năng của gia đình truyền thống: cá nhân có xu hướng tách ra khỏi gia đình, gia đình không còn là “đơn vị lý tưởng” cho sự sản sinh ra các thế hệ nối tiếp do có một cuộc cách mạng ngầm về quan niệm tình dục đối với sự sinh đẻ. Mặt khác, khi chiến tranh xảy ra, nó đã tách hàng triệu thanh niên nam nữ - những người mà đặc tính tình dục chỉ vừa mới hình thành ra khỏi gia đình, khỏi môi trường tình dục khác giới của gia đình và ném họ vào hoàn cảnh thuần nhất về giới tính - như là trại lính, công xưởng, các hội nữ binh, tình nguyện viên, các khu nhà ở cho nữ công nhân, nhà tù, trại tập trung... Chính tại những nơi này, những người đã mang sẵn trong mình căn tính đồng tính sẽ có dịp gặp gỡ những người giống họ, còn những kẻ khác có được sự tự do tạm thời trong việc khám phá những xúc cảm tình dục mới mẻ chưa từng trải nghiệm - họ trở thành các đối tượng đồng tính cơ hội.

Nói tóm lại, mọi xác quyết đều hướng đến chỗ chỉ đích danh trách nhiệm, vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự ra đời và phát triển ngày càng rộng rãi của hiện tượng đồng tính luyến ái. Ông cũng nói, sở dĩ nam giới đồng tính nhiều hơn nữ giới vì chủ nghĩa tư bản đã lôi kéo nhiều đàn ông vào lực lượng lao động hơn phụ nữ, đồng thời với mức lương cao hơn, đàn ông dễ dàng tạo dựng một cuộc sống cá nhân độc lập với sự ràng buộc của giới tính khác trong khi phụ nữ “có vẻ như vẫn phụ thuộc đàn ông về kinh tế” [1,106]. Từ những phân tích ấy, J. Emilio cố gắng trả lời cho câu hỏi tại sao chủ nghĩa tư bản, có cấu trúc khiến cho sự xuất hiện của đặc tính đồng tính và sự hình thành của cộng đồng đồng tính đô thị trở nên khả thi, dường như không thể chấp nhận dung chứa cộng đồng đó trong lòng nó, biểu hiện là nó luôn tỏ thái độ thù địch, gạt họ ra ngoài lề và nhìn họ như những kẻ thiểu số?

Những tư tưởng trong bài viết của John D'Emilio cũng nhận được sự đồng tình của người đồng nghiệp ở Paris là Michel Foucault khi ông này khẳng định: “thiên hướng tình dục về thực chất là một “sáng chế” của các nhà nước hiện đại, của cuộc Cách mạng công nghiệp và chủ nghĩa tư bản”. Cũng chính Foucault - vốn được biết đến như một nhà giải cấu trúc trứ danh - đã trù ả ảnh hưởng của mình lên ý hướng của các nhà lệch pha/đồng tính (queer) học khi ông tuyên bố, tình dục là một sản phẩm của diễn ngôn hơn là một điều kiện tự nhiên, nó chịu ảnh hưởng nặng nề của các quan hệ quyền lực trong xã hội, chịu sự cấm đoán, ức chế lẫn sự cho phép của các quan hệ đó đồng thời tạo ra những ý nghĩa mới cho hoạt động tình dục. Tiếp

thu tư tưởng của M. Foucault, các nhà lệch pha học nhìn giới tính trong cái nhìn tương đối: không có cái bình thường lẫn cái bất thường, cái kỳ quái (nghĩa phái sinh của từ “queer”) cũng chỉ là khái niệm ảo, cái gọi là “giới tính” hay “bản sắc” chung quy lại cũng chỉ như một “sản phẩm hư cấu của văn hóa, một sự cách điệu hóa được lặp đi lặp lại thường xuyên của thân thể” “lúc nào cũng ở trong tiến trình được kiến tạo, một cái gì đang được hình thành” [6].

Khi mới xuất hiện lần đầu tiên tại Anh, Mỹ vào đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, thuyết Lệnh pha nhanh chóng được đón nhận và phổ biến rộng rãi, trở thành tâm điểm giảng dạy trong các trường đại học cũng như chủ đề nóng của các tạp chí. Mẹ đẻ của học thuyết - bà Teresa de Lauretis, được xem là trường hợp điển hình cho sự chuyển tách từ chủ nghĩa nữ quyền sang một phạm vi nghiên cứu hẹp hơn, liên quan đến phong trào đấu tranh giải quyền lực nam giới. Ban đầu, thuyết đồng tính chỉ giới hạn phạm vi nghiên cứu của nó trong hai lĩnh vực đồng tính nam và đồng tính nữ (Gay/lesbian Studies), về sau, còn quan tâm tới cả Chuyển giới tính học (Transgender Studies). Sự phát triển của thuyết Lệnh pha chính là minh chứng hùng hồn nhất cho vị thế áp đảo của các nhà kiến tạo luận với yếu tính luận, trước hết vì nền tảng học thuyết này là các quan điểm mang tính kiến tạo về phái tính. Những phát biểu của M.Foucault, Judith Butle, Susan S.Lanser có thể coi là “tuyên ngôn mới” của Đồng tính luận trong giai đoạn phát triển của đợt sóng thứ ba này.

Nói tới các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực Lệnh pha học, không thể không kể đến Annamarie Jagose - giảng viên cao

cấp của Đại học Melbourne, tác giả của công trình nổi tiếng *Dẫn nhập lý thuyết lệch pha* (Queer theory - An introduction). Công trình này đã trở thành một tài liệu tham khảo quan trọng trong công tác nghiên cứu và tìm hiểu về đồng tính không chỉ trong phạm vi nước Mỹ mà đã lan ảnh hưởng sang cả các nước khu vực Á, Âu. Như tên gọi của nó, công trình đưa ra cách hiểu khác về tính dục đồng tính cùng các bản dạng của nó thông qua thuật ngữ mang một nội hàm đa nghĩa “queer”, với quan niệm giản dị là “phạm trù bao trùm về liên minh tự định danh tính dục bên lề văn hóa – một thứ mô hình lý thuyết mới ra đời đã ly khai khỏi thuyết đồng tính truyền thống” [2,1]

2.3. Phê bình nữ quyền đồng tính luyến ái - luận thuyết của thiểu số và cho thiểu số

Như đã nói, chủ nghĩa nữ quyền và đồng tính luận có mối quan hệ vô cùng khăng khít. Phong trào nữ quyền diễn ra sôi nổi vào giữa những năm 1970 được xem là khởi nguồn nảy sinh của ngành đồng tính nam và đồng tính nữ tại các nước phát triển như Anh, Mỹ... Một số lý thuyết gia vốn xuất thân từ phong trào đấu tranh này đã chủ động chuyển hướng nghiên cứu sang lĩnh vực đồng giới như một cách kháng cự khác của người nữ. Họ - cùng chủ trương tư tưởng nữ quyền “thách thức điều mọi người đều biết về tính dục, dục tính, giới tính, sự song hành và đối nghịch của nữ và nam, đồng tính và dị tính, đàn bà và đàn ông” [4, 220]- đã mở đường cho sự phát triển của lý thuyết nữ quyền đồng tính hiện nay.

Phê bình nữ quyền trái với ảo tưởng và ngộ nhận về nó, không bó hẹp phạm vi

ngiên cứu nữ tính và phái tính như bản chất nguyên thủy cơ bản của người nữ mà quan tâm nhiều hơn đến cấp độ biểu hiện của hai yếu tố này. Phê bình nữ quyền xuất phát từ lĩnh vực văn chương nên nó cũng chú ý đến những cạnh khía đặc trưng: cơ thể, sự thể hiện tâm hồn người nữ (viết nữ). Cơ sở triết học của phê bình nữ quyền chính là tư tưởng của Jacques Lacan - vốn là một nhánh của phân tâm học. Triết gia kiêm nhà tâm lý này có xu hướng trở về với cái gốc ban đầu của phân tâm học cổ điển nhưng thay vì giải thích các hiện tượng trên cơ sở lâm sàng, ông lấy ngôn ngữ làm điểm tựa. Kết hợp giữa phân tâm học và ngôn ngữ học cấu trúc, Lacan chỉ ra sự bất toàn của giới nữ chính là nguyên nhân thúc giục họ phản kháng để đòi được quyền làm chủ cơ thể của mình (tự do phô diễn, buông thả). Các nhà nữ quyền đã xuất phát từ phân tâm học Lacan để phản đối lại chính Lacan bằng cách chứng minh cho thế giới thấy phụ nữ hoàn toàn tự chủ về tiếng nói và thân thể.

Mảnh đất tự do, tự trị nữ quyền chính là nơi không giới hạn quyền phô diễn khoái lạc dục vọng của người nữ. Thậm chí, họ cho rằng, càng những ham muốn có vẻ phi chuẩn mực, trái tự nhiên càng có giá trị khiêu chiến mạnh mẽ với chủ nghĩa nam quyền cùng các áp chế của nó. Đó là cơ sở lý tưởng để những nhà nữ quyền đồng tính luyến ái công khai lên án tình dục dị tính như một “chế độ chính trị - trong đó nam giới phủ định tính dục của nữ giới, buộc phụ nữ phải tiếp nhận tính dục của mình, hạn chế và ngăn cản những hành động nhục thể của phụ nữ, biến họ thành món hàng trao đổi giữa nam giới với nhau” [3,7]. Họ định nghĩa: “Đồng tính là dục vọng hướng tới giới tính của mình, đồng thời cũng là dục vọng đối với

điều gì khác không được bao hàm. Dục vọng, đó chính là sự chống lại cái chuẩn mực”, “Đồng tính nữ là nền văn hóa qua đó người ta có thể chất vấn về mặt chính trị với xã hội dị tính về những phạm trù tính dục, về ý nghĩa của định chế về sự lệ thuộc cá nhân trong hôn nhân đã áp đặt lên người phụ nữ nói riêng” [3, 8].

Vốn là một trong ba loại hình cơ bản của thuyết phê bình nữ quyền, phê bình nữ quyền đồng tính luyến ái thực tế là một nhánh phái sinh của phê bình nữ quyền da đen. Nó nở rộ vào giai đoạn cao trào của chủ nghĩa nữ quyền trong văn học, bắt đầu từ các nước phát triển ở phương Tây rồi lan rộng ảnh hưởng ra toàn thế giới. Kế thừa những tư tưởng tiên bộ của các nhà phê bình nữ quyền da đen, không thành kiến, chống đối với dị tính luyến ái (biểu hiện cực đoan thường thấy ở phái phê bình nữ quyền da trắng), phê bình nữ quyền đồng tính luyến ái chủ yếu “lên án sự ràng buộc của nam quyền quy định hành vi tính dục nữ chỉ được có một dạng thức là dị tính có lợi cho họ, không tôn trọng sự lựa chọn khác của phụ nữ có khi do hoàn cảnh sống đặc thù, hoặc là do “trời sinh” ra như vậy” [5, 209].

Một vướng mắc lớn là xác định nội hàm của khái niệm “nữ đồng tính luyến ái” thế nào để chấm dứt sự tranh cãi về việc có nên đánh đồng hành vi giao hoan với “nhiều hình thức tình cảm mãnh liệt vốn có giữa phụ nữ với nhau như cùng chia sẻ nội tâm phong phú, liên kết nhau để chống lại những bạo quân nam quyền, cho và nhận những giúp đỡ vật chất và ủng hộ nhau về chính trị” [5, 210] hay không. Sự tranh luận vẫn chưa đi đến hồi kết mặc dù sau đó một đại biểu của nhóm “nữ quyền

mới” là Lillian Faderman đã đưa ra một giải pháp mang tính chiết trung: “Nữ đồng tính luyện ái miêu tả một loại quan hệ tình cảm yêu mến mãnh liệt giữa hai phụ nữ, ít nhiều có thể có hoặc cơ bản không có quan hệ tính dục. Cùng yêu quý nhau làm cho hai người dùng đại bộ phận thời gian chung sống và cùng sẻ chia phần lớn nội dung của đời sống” [5, 210].

Để củng cố vị trí của mình trong “đại gia đình” nữ quyền luận, phê bình nữ quyền đồng tính luyện ái mặt khác vẫn không ngừng sưu tầm, khai quật, tổng kết lịch sử trời dậy của văn học nữ đồng tính với mong muốn xóa bỏ những thiên kiến, công kích đã tồn tại dai dẳng và xác lập một vị thế ngang hàng, bình đẳng với các “chị em” của nó.

3. KẾT LUẬN

Ba lý thuyết trên là ba góc nhìn của thế giới hiện đại về một hiện tượng đời sống từ lúc xuất hiện đến nay vẫn không thôi là đầu mối của nhiều tranh cãi: đồng tính. Tuy xuất phát từ các góc kiến giải khác nhau, có khi không tránh khỏi hạn chế nhưng những lý thuyết này đã thực sự đặt nhân loại vào một cuộc đối thoại nghiêm túc về tính dục, nhân quyền và giá trị của thiểu số. Theo thời gian, kiến giải về đồng tính đã đi từ hiểu biết thường thức tới tư duy khoa học, vậy gọi những tư tưởng mới. Bất chấp sự tranh luận còn

chưa hạ hồi, đồng tính luyện ái hiện vẫn đang chứng minh nó có một lực “hấp dẫn chết người” – không chỉ trong đời sống mà còn trong các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn. Luận về đồng tính, vì thế mới chỉ là những bước đi ban đầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. D’Emilio J. (1983), “Capitalism and Gay Identity”, *Powers of Desire: The Politics of Sexuality*, Monthly Review Press, New York, pp.100-113.
2. Jagose A.(2001), *Queer theory An introduction*, New York University Press, New York.
3. Trần Thiện Khanh (2012), “Kháng cự tình trạng mất tiếng nói: tiếng nói như một thân phận và như một hành động”, Báo cáo đề dẫn Tọa đàm “Văn xuôi nữ trong bối cảnh văn học Việt Nam đương đại”, Viện Văn học, Hà Nội.
4. Lorber J. (2005), “Sự đa dạng của chủ nghĩa nữ quyền và những đóng góp vào sự bình đẳng giới”, Hồ Liễu trích dịch từ cuốn *Bất bình đẳng giới: những lý thuyết nữ quyền và chính trị*, NXB Đại học Oxford, Oxford, <http://phebinhvanhoc.com.vn>. Truy cập tháng 3 năm 2017.
5. Phương Lưu (2011), *Lý thuyết văn học hậu hiện đại*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
6. Nguyễn Hưng Quốc, *Các lý thuyết phê bình văn học (9): Thuyết lệch pha*, www.tienve.org/home/literature/view. Truy cập tháng 6 năm 2015.
7. Đỗ Lai Thúy (2003), *Phân tâm học và tình yêu*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.